

TW

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 229/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

CỘNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ:..... Ngày: 14.13.1.2024

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-TTg ngày 26 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1505/BC-HĐTĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây viết tắt là Quy hoạch) với các nội dung sau đây:

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG QUY HOẠCH

1. Phạm vi quy hoạch: Các tổ chức khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) công lập trong phạm vi cả nước theo quy định pháp luật về tổ chức KH&CN công lập và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng quy hoạch

Các tổ chức KH&CN do cơ quan có thẩm quyền quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 12 Luật khoa học và công nghệ năm 2013 thành lập, cụ thể gồm các tổ chức sau:

a) Tổ chức KH&CN công lập (trừ tổ chức KH&CN công lập thuộc Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và tổ chức KH&CN là cơ sở giáo dục đại học) thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là bộ):

- Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc bộ;
- Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc tổng cục và tổ chức tương đương tổng cục thuộc bộ;
- Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc cục và tổ chức tương đương cục thuộc bộ;
- Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc tổ chức KH&CN thuộc bộ.

b) Tổ chức KH&CN công lập trực thuộc cơ quan thuộc Chính phủ.

c) Tổ chức KH&CN công lập là đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi chung là các đại học quốc gia).

d) Tổ chức KH&CN công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Tổ chức KH&CN công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh):

- Các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- Các tổ chức KH&CN trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh (sau đây gọi chung là sở); tổ chức KH&CN công lập trực thuộc chi cục và tương đương thuộc sở; tổ chức KH&CN công lập thuộc tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

II. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030; Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030; quy hoạch tổng thể quốc gia và các chiến lược, quy hoạch khác có liên quan.

b) Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập theo hướng mở, linh hoạt, liên kết; gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu của thị trường KH&CN trong nước, tham gia hiệu quả thị trường KH&CN quốc tế; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của từng vùng, ngành, địa phương theo từng giai đoạn phát triển. Tăng cường phân cấp quản lý tổ chức KH&CN công lập. Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, đồng thời từng bước xã hội hóa hoạt động của tổ chức KH&CN công lập.

c) Quan tâm phát triển các tổ chức nghiên cứu cơ bản; tăng cường đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu ứng dụng để đẩy mạnh thương mại hóa và chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ sản xuất - kinh doanh; phát triển đồng bộ các tổ chức dịch vụ KH&CN và các tổ chức KH&CN công lập đáp ứng yêu cầu về cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực KH&CN.

2. Định hướng phát triển

Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo định hướng nêu tại khoản 4 Điều 8 Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập có cơ cấu hợp lý theo định hướng ưu tiên phát triển của quốc gia, ngành và lĩnh vực, nâng cao tiềm lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập, tiếp cận với chuẩn mực quốc tế, làm nền tảng để tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

b) Mục tiêu cụ thể

- Tiếp tục kiện toàn, sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập, thực hiện giảm đầu mỗi hợp lý song song với hình thành tổ chức KH&CN mới phù hợp với xu thế phát triển KH&CN của thế giới và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Đến năm 2025, phân đầu giảm 10% đầu mỗi các tổ chức KH&CN công lập so với thời kỳ 2016 - 2020. Đến năm 2030, bảo đảm giảm 20% đầu mỗi các tổ chức KH&CN công lập so với thời kỳ 2016 - 2020.

- Nâng cao năng lực nghiên cứu của các tổ chức KH&CN theo hướng tiếp cận với chuẩn quốc tế. Năm 2025, có khoảng 25 - 30 tổ chức KH&CN công lập được xếp hạng khu vực và thế giới. Đến năm 2030, có khoảng 40 - 50 tổ chức KH&CN công lập được xếp hạng khu vực và thế giới.

- Hình thành hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo và trung tâm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo công lập trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo ở các địa phương. Năm 2025, hình thành các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại 03 vùng Bắc, Trung, Nam; phân đầu 40% địa phương hình thành tổ chức KH&CN công lập có chức năng đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ việc kiện toàn tổ chức đối với các tổ chức KH&CN công lập, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn. Đến năm 2030, 100% địa phương hình thành tổ chức KH&CN công lập có chức năng đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo từ việc kiện toàn tổ chức đối với các tổ chức KH&CN công lập, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn.

- Nghiên cứu thành lập trung tâm tích hợp KH&CN hiện đại, đạt trình độ tiên tiến, trước mắt thành lập tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, từng bước mở rộng đến các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm.

- Đến năm 2025, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (quy đổi toàn thời gian) đạt 10 người trên một vạn dân, đến năm 2030 đạt 12 người trên một vạn dân.

4. Tầm nhìn đến năm 2050

Mạng lưới tổ chức KH&CN công lập đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo của đất nước; một số tổ chức KH&CN công lập bắt kịp trình độ tiên tiến của thế giới, có năng lực cạnh tranh vượt trội ở một số ngành, lĩnh vực KH&CN.

III. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

1. Cơ cấu mạng lưới

a) Hệ thống các tổ chức KH&CN công lập ở trung ương (gồm các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các đại học quốc gia):

- Rà soát, tinh gọn đầu mỗi các tổ chức KH&CN nghiên cứu ứng dụng, dịch vụ KH&CN thuộc các bộ, ngành, khắc phục tình trạng trùng lặp, chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, phù hợp với định hướng ưu tiên về phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo của quốc gia, ngành.

- Đẩy mạnh phát triển các tổ chức nghiên cứu ứng dụng trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên, then chốt để triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới; tập trung ưu tiên phát triển công nghệ có khả năng ứng dụng cao, nhất là công nghệ số, sinh học, trí tuệ nhân tạo, cơ điện tử, tự động hóa, điện tử y sinh, cơ khí chế tạo, năng lượng, môi trường. Nghiên cứu thành lập trung tâm tích hợp KH&CN hiện đại, đạt trình độ tiên tiến, trước mắt thành lập tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tiếp tục duy trì mỗi bộ, ngành có 01 tổ chức KH&CN thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chiến lược và chính sách trong lĩnh vực phụ trách; tiếp tục duy trì, củng cố các tổ chức nghiên cứu cơ bản.

- Phát triển hệ thống các tổ chức KH&CN công lập gắn với yêu cầu đẩy mạnh hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, lĩnh vực nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu. Tăng cường liên kết các tổ chức KH&CN công lập với các doanh nghiệp KH&CN, các đơn vị nghiên cứu, tư vấn trong nước và ngoài nước có thế mạnh, dẫn đầu về lĩnh vực KH&CN để thúc đẩy kết nối, phát triển KH&CN và đổi mới sáng tạo.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này)

b) Hệ thống các tổ chức KH&CN công lập ở địa phương (gồm các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương):

- Tiếp tục duy trì mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có ít nhất 01 tổ chức dịch vụ KH&CN cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng, sở hữu trí tuệ, an toàn bức xạ và hạt nhân, thông tin và thống kê KH&CN, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN, hỗ trợ đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và các nhiệm vụ sự nghiệp trong lĩnh vực KH&CN được giao trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Đẩy mạnh phát triển các tổ chức dịch vụ KH&CN.

- Củng cố, đầu tư phát triển một số tổ chức KH&CN của các địa phương nghiên cứu kinh tế - xã hội phục vụ xây dựng, chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, phát triển các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Thúc đẩy hình thành và đầu tư nâng cao năng lực cho các tổ chức KH&CN công lập hoạt động ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với lợi thế và ưu tiên phát triển của từng vùng kinh tế - xã hội.

c) Hệ thống các tổ chức KH&CN công lập thuộc tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công (gồm các tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn, tổng công ty do nhà nước nắm giữ 100% vốn):

- Tiếp tục duy trì các tổ chức KH&CN thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển trong các tập đoàn, tổng công ty nhà nước.

- Huy động nguồn lực để đầu tư, phát triển các tổ chức KH&CN thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước trở thành các viện nghiên cứu chuyên sâu, cung cấp các công nghệ dẫn dắt, tạo lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Về diện tích đất xây dựng tổ chức KH&CN công lập

Bảo đảm đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội khóa 15 về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 và các quy định về pháp luật đất đai khác có liên quan.

b) Về không gian làm việc của tổ chức KH&CN công lập

- Đến năm 2030, khoảng 14% tổng số tổ chức KH&CN công lập tại thời điểm năm 2021 được bố trí tăng thêm diện tích sử dụng cho trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm, trạm, trại đáp ứng yêu cầu hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo.

- Giai đoạn 2030 đến 2050, khoảng 15% tổng số tổ chức KH&CN công lập tại thời điểm năm 2030 được bố trí tăng thêm diện tích sử dụng cho trụ sở làm việc, phòng thí nghiệm, khu thử nghiệm, trạm, trại đáp ứng yêu cầu hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo.

c) Thiết bị nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ

Đầu tư thiết bị nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ cho các tổ chức KH&CN công lập, ưu tiên bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ KH&CN và đổi mới sáng tạo trọng điểm quốc gia, liên ngành, liên vùng.

IV. DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021 - 2030

1. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư trong lĩnh vực KH&CN giai đoạn 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

2. Việc đầu tư theo danh mục các dự án ưu tiên thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

V. GIẢI PHÁP

1. Giải pháp về cơ chế, chính sách

a) Hoàn thiện chính sách đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập.

b) Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách từng bước chuyển tổ chức KH&CN công lập hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản về trực thuộc các trường đại học, học viện để thúc đẩy gắn kết nghiên cứu với đào tạo; chuyển tổ chức KH&CN công lập hoạt động nghiên cứu ứng dụng mà sản phẩm khoa học có khả năng thương mại hoá về trực thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

c) Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách ưu tiên, đột phá trong thu hút, đào tạo, bồi dưỡng, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài, nhất là chính sách tuyển dụng, tiền lương, tạo môi trường làm việc, tập trung ưu tiên nhân lực KH&CN chất lượng cao.

d) Nghiên cứu, đề xuất ban hành chính sách cho phép nhà khoa học trong tổ chức KH&CN công lập được làm việc và tham gia góp vốn, thành lập, điều hành doanh nghiệp KH&CN hoặc doanh nghiệp do tổ chức KH&CN công lập nắm quyền chi phối.

2. Giải pháp về phát triển nhân lực KH&CN

a) Tiếp tục chuẩn hóa đội ngũ cán bộ KH&CN theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Tiếp tục triển khai Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng ngân sách nhà nước. Khuyến khích cán bộ hoạt động KH&CN nâng cao trình độ chuyên môn thông qua các chương trình học bổng liên kết giữa các tổ chức hoặc thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

b) Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN trong việc sử dụng, trọng dụng nhân lực KH&CN.

c) Đẩy mạnh thu hút chuyên gia là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia người nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại các tổ chức KH&CN công lập.

d) Tăng cường xây dựng, đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ triển khai công tác đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Giải pháp về tăng cường cơ sở vật chất

a) Phân bổ quỹ đất phù hợp cho phát triển các tổ chức KH&CN công lập với ưu đãi về thuế, giải phóng mặt bằng, bố trí mặt bằng cho các doanh nghiệp tổ chức bộ phận hoạt động nghiên cứu và phát triển, nhất là trong các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu sản xuất tập trung.

b) Nâng cao hiệu quả và hiệu suất sử dụng cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm của tổ chức KH&CN công lập trên cơ sở chia sẻ tài nguyên. Bố trí kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên cho cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm nhằm duy trì, phát triển cơ sở vật chất, nâng cao trình độ, năng lực công nghệ của tổ chức KH&CN công lập.

c) Ưu tiên đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập theo danh mục dự án ưu tiên đầu tư tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Giải pháp về KH&CN

a) Đẩy mạnh việc ứng dụng KH&CN và các thành tựu của Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 trong quản lý, điều hành hoạt động các tổ chức KH&CN công lập.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý các nguồn lực KH&CN và đổi mới sáng tạo, kết nối, hỗ trợ mạng lưới các nhà quản lý, nhà khoa học, viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp từ trung ương đến địa phương.

5. Giải pháp về liên kết, hợp tác phát triển

a) Thúc đẩy liên kết giữa các tổ chức KH&CN công lập trong vùng, giữa các vùng, giữa các tổ chức KH&CN công lập nghiên cứu liên ngành thông qua đào tạo nhân lực, chia sẻ kinh nghiệm trong hoạt động KH&CN giữa các tổ chức KH&CN công lập và ngoài công lập.

b) Tăng cường liên kết giữa tổ chức KH&CN công lập với các doanh nghiệp để thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu; thu hút sự tham gia của doanh nghiệp trong các chương trình, dự án, nhiệm vụ quan trọng cấp quốc gia có sản phẩm khoa học, công nghệ phục vụ tăng trưởng và phát triển của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa các tổ chức KH&CN công lập với cơ sở giáo dục đại học để hỗ trợ hoạt động đào tạo và hoạt động nghiên cứu.

6. Giải pháp về giáo dục, tuyên truyền

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan và nhân dân về vai trò của KH&CN và đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội.

7. Giải pháp về hợp tác quốc tế

Tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và phát triển; ứng dụng KH&CN; đẩy mạnh thực hiện các Hiệp định, Thỏa thuận song phương đối với các đối tác phát triển trong việc đổi mới và nâng cao chất lượng của các tổ chức KH&CN nhằm gia tăng số lượng tổ chức KH&CN công lập được quốc tế xếp hạng.

8. Giải pháp về huy động và phân bổ vốn đầu tư

a) Tăng cường nguồn vốn từ ngân sách nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nghiên cứu cho các tổ chức KH&CN công lập.

b) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư ngoài ngân sách nhà nước, nhất là các tập đoàn, doanh nghiệp lớn để đa dạng hóa nguồn đầu tư, từng bước tăng kinh phí đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập hoạt động có hiệu quả.

c) Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án xây dựng và phát triển các tổ chức KH&CN công lập được quốc tế xếp hạng, các tổ chức có phạm vi hoạt động liên vùng, liên ngành, các tổ chức thực hiện hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới, có khả năng ứng dụng cao.

9. Giải pháp về mô hình quản lý, phương thức hoạt động

a) Thực hiện giải thể các tổ chức KH&CN công lập hoạt động không hiệu quả theo quy định pháp luật với lộ trình phù hợp; đẩy mạnh việc sắp xếp, tinh gọn đầu mối các tổ chức KH&CN công lập.

b) Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập; tăng cường phân cấp quản lý tổ chức KH&CN công lập, đề cao thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có tổ chức KH&CN thuộc thẩm quyền quản lý.

c) Đẩy mạnh giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tăng số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp tương ứng với mức độ tự chủ về tài chính của các tổ chức KH&CN công lập.

10. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

a) Tổ chức công bố Quy hoạch theo quy định tại Điều 38 Luật Quy hoạch và Điều 5 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch.

b) Xây dựng Kế hoạch thực hiện Quy hoạch theo quy định tại Điều 45 Luật Quy hoạch. Rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm theo quy định tại Điều 52 Luật Quy hoạch.

c) Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện Quy hoạch; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả của Quy hoạch.

d) Đánh giá thực hiện Quy hoạch theo quy định.

đ) Tăng cường kiểm tra và giám sát thực hiện Quy hoạch bảo đảm đúng quy định; phát huy vai trò của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong giám sát thực hiện Quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức công bố Quy hoạch; xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch thực hiện và hướng dẫn thực hiện Quy hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc xây dựng, triển khai các đề án, dự án, kế hoạch tổ chức thực hiện, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch theo quy định.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung chi, bố trí ngân sách thực hiện Quy hoạch theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

d) Giám sát, đánh giá, điều tra, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Quy hoạch, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; xây dựng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về Quy hoạch, cung cấp thông tin về quy hoạch ngành quốc gia; lưu trữ hồ sơ Quy hoạch.

đ) Thanh tra, kiểm tra, giám sát, tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất điều chỉnh Quy hoạch này (nếu cần thiết), báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí nguồn lực, đề xuất cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả Quy hoạch, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với việc thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030, chiến lược, kế hoạch phát triển của từng ngành và địa phương.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các đại học quốc gia, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập:

a) Bố trí quỹ đất, cơ sở vật chất để phát triển các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển tổ chức KH&CN công lập theo Quy hoạch này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách và huy động các nguồn lực để xây dựng, triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

c) Rà soát, sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc để phù hợp với Quy hoạch.

d) Ban hành danh mục các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể theo quy định của pháp luật (các tổ chức KH&CN công lập quy định tại khoản 2 Mục I Điều 1 và không thuộc danh mục tại Phụ lục I Quyết định này), báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Tổ chức thực hiện nội dung Quy hoạch theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

a) Bố trí quỹ đất, cơ sở vật chất để phát triển mạng lưới tổ chức KH&CN công lập bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển tổ chức KH&CN công lập theo Quy hoạch này và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Ưu tiên bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực để xây dựng, triển khai thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư cho các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

c) Rà soát, sắp xếp các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc để phù hợp với Quy hoạch.

d) Ban hành danh mục các tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền thành lập, tổ chức lại, giải thể quy định tại điểm đ khoản 2 Mục I Điều 1 Quyết định này, báo cáo Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ.

đ) Tổ chức thực hiện Quy hoạch theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan. Kịp thời báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo tại địa phương; trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

e) Rà soát nội dung quy hoạch cấp tỉnh đảm bảo thống nhất, đồng bộ với nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; đề xuất điều chỉnh nội dung quy hoạch tỉnh chưa phù hợp với Quy hoạch này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Giám đốc các đại học quốc gia, người đứng đầu tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, TCCV, TH, PL;
- Lưu: VT, KGVX (2b)₁₁₀

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Lưu Quang

Trần Lưu Quang



Phụ lục I

DANH MỤC SỐ LƯỢNG TỔ CHỨC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÔNG LẬP THUỘC CÁC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ, CÁC ĐẠI HỌC QUỐC GIA VÀ CÁC TỔ CHỨC DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ THÀNH LẬP MÀ KHÔNG PHẢI LÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050)

*(Kèm theo Quyết định số: 119 /QĐ-TTg
ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

1. Số lượng tối đa tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ:

- 04 tổ chức trực thuộc Bộ Nội vụ;
- 01 tổ chức trực thuộc Bộ Tư pháp;
- 03 tổ chức trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- 01 tổ chức trực thuộc Bộ Tài chính; 03 tổ chức trực thuộc Tổng cục và Học viện thuộc Bộ Tài chính;
- 11 tổ chức trực thuộc Bộ Công Thương;
- 11 tổ chức trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; trong đó, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam có 19 tổ chức trực thuộc, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam có 14 tổ chức trực thuộc, Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam có 13 tổ chức trực thuộc;
- 02 tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải; 01 tổ chức trực thuộc Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;
- 05 tổ chức trực thuộc Bộ Xây dựng;
- 07 tổ chức trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- 02 tổ chức trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông;
- 01 tổ chức trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; 01 tổ chức trực thuộc Tổng cục thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- 02 tổ chức trực thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- 04 tổ chức trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- 19 tổ chức trực thuộc Bộ Y tế;
- 15 tổ chức trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; trong đó: Viện Năng lượng nguyên tử Việt Nam có 10 tổ chức trực thuộc; Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo có 04 tổ chức trực thuộc; Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia có 14 tổ chức trực thuộc;

- 01 tổ chức trực thuộc Ủy ban Dân tộc;
- 01 tổ chức trực thuộc Thanh tra Chính phủ;
- 01 tổ chức trực thuộc Ngân hàng Nhà nước;
- 01 tổ chức trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- 01 tổ chức trực thuộc Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

2. Số lượng tối đa tổ chức KH&CN trực thuộc các viện hàn lâm khoa học, các đại học quốc gia:

- 29 tổ chức trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
- 30 tổ chức trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;
- 08 tổ chức trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;
- 07 tổ chức trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Các tổ chức KH&CN trực thuộc các tập đoàn, tổng công ty do nhà nước nắm giữ 100% vốn:

- 01 tổ chức trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam;
- 02 tổ chức trực thuộc Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam;
- 01 tổ chức trực thuộc Tập đoàn Hóa chất Việt Nam;
- 01 tổ chức trực thuộc Tổng công ty Thép;
- 01 tổ chức trực thuộc Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp (thuộc Bộ Công Thương).



Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
LĨNH VỰC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050)

(Kèm theo Quyết định số: 229 /QĐ-TTg
ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Số lượng	
		Giai đoạn 2021 - 2030	Sau năm 2030
1	Xây dựng, phát triển tổ chức khoa học và công nghệ trọng điểm đạt trình độ khu vực, thế giới; thành lập trung tâm tích hợp khoa học và công nghệ hiện đại, đạt trình độ tiên tiến tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.	15	Tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư của giai đoạn 2021 - 2030
2	Đầu tư cho tổ chức KH&CN công lập nghiên cứu ứng dụng phục vụ phát triển các ngành, lĩnh vực ưu tiên, then chốt để có thể triển khai các hướng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ mới.	10	
3	Đầu tư phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, ngành, vùng.	5	
4	Đầu tư phát triển Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.	1	
5	Đầu tư phát triển Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.	1	
6	Đầu tư phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam.	1	
7	Đầu tư phát triển Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trở thành hạt nhân, nòng cốt và đầu tàu về nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong hệ thống giáo dục Việt Nam.	1	